

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Trần Hiếu

2/ Bà Lâm Nhật Phượng

- Thư ký phiên tòa: Cô Trần Thị Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp xin ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc Đ, sinh ngày 12/02/1984.

Cư trú tại: Ấp P, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2.Bị đơn: Ông Lu Wen Cheng, sinh năm 1961.

Cư trú tại: đường T, khóm 3, phường Q, khu Q, thành phố Đ, Đài Loan. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 16/10/2019 và bản tự khai ngày 28/7/2020, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Đ trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Lu Wen Ch tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 331, ngày 24/9/2013. Sau khi kết hôn, ông Lu Wen Ch không có làm thủ tục bảo lãnh bà sang Đài Loan đoàn tụ mà ông thường xuyên qua lại giữa hai nước để thăm bà.

Trong quá trình chung sống với nhau ở Việt Nam, hai người có 01 con chung là cháu Lu Nhuận Ph, sinh ngày 23/01/2014. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người ít gặp nhau, mỗi người ở một quốc gia, thường xuyên mau thuẫn và cãi nhau, khoảng thời gian sau thì ông Lu Wen Ch không còn chu cấp cho bà và con chung, để tạo lập cuộc sống mới nên bà có đơn kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lu Wen Ch.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà trình bày là bà và ông Lu Wen Ch không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về con chung: Bà trình bày là hai người có 01 con chung là cháu Lu Nhuận Ph (nam) sinh ngày 23/01/2014, hiện đang sống cùng mẹ nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về phía bị đơn ông Lu Wen Ch: Khi Tòa án thụ lý và tiến hành giải quyết vụ án, ông Lu Wen Ch không có mặt tại Việt Nam, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp. Tại công văn số 982/ BTP-PLQT ngày 24/4/2020 của Bộ Tư pháp nêu rõ: đã thực hiện ủy thác tư pháp được cho đương sự vào ngày 25/02/2020 bằng phương thức: Gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an. Nhưng đến nay ông Lu Wen Ch không trả lời bằng văn bản theo yêu cầu của Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm Sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thực hiện pháp luật Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do bị đơn là người nước ngoài và theo nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết là phù hợp đúng quy định.

Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và về phía bị đơn Tòa án đã làm đầy đủ các thủ tục ủy thác tư pháp theo định, nên việc xét xử vắng mặt nguyên và bị đơn là không trái quy định.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì nhận thấy tuy là hôn nhân hợp pháp nhưng vợ chồng chung sống với nhau thời gian không dài, hiện cả hai không còn liên lạc với nhau, tình cảm không còn, nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

Về nợ chung và tài sản chung nguyên đơn khai là không có, nhưng do không ghi nhận được ý kiến của bị đơn, nên chưa đủ cơ sở để xem xét.

Về con chung: Nguyên đơn trình bày là hai người có 01 con chung là cháu Lu Nhuận Ph (nam) sinh ngày 23/01/2014, hiện đang sống cùng nguyên đơn nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng.

Viện Kiểm Sát đề nghị: Chấp nhận cho ly hôn. Về con chung giao cháu Lu Nhuận Ph (nam) sinh ngày 23/01/2014 cho bà Lê Thị Ngọc Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung chưa xem xét, nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện theo quy định về các mối quan hệ này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thị Ngọc Đ và ông Lu Wen Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã tuân thủ đúng quy định về việc đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 331 ngày 24/9/2013. Vì vậy hôn nhân của bà Lê Thị Ngọc Đ và ông Lu Wen Ch là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh khi có yêu cầu. Ông Lu Wen Ch là người mang quốc tịch Đài Loan và đang định cư tại Đài Loan nên đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà Lê Thị Ngọc Đ được Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý và giải quyết theo quy định tại Điều 28, Điều 37 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, ông Lu Wen Ch không có mặt tại Việt Nam, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho ông theo đúng quy định pháp luật và đã có hồi báo của cơ quan có thẩm quyền. Nhưng đến nay đã quá thời gian quy định mà ông không trả lời cho Tòa án về ý kiến của ông đối với việc xin ly hôn của bà Ngọc Đ với ông, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại Điều 207; khoản 1 Điều 227 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn bà Ngọc Đ thì tại “Bản tự khai” bà lập ngày 28/7/2020 bà trình bày là bà vẫn giữ yêu cầu như trong đơn khởi kiện và bà không cung cấp thêm chứng cứ mới. Do bận đi làm việc xin nghỉ phép khó khăn, nên bà xin được phép vắng mặt trong phiên tòa xét xử, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ngọc Đ:

[3.1] Phần trình bày của bà Ngọc Đ trong bản tự khai ngày 28/7/2020 và các chứng cứ do bà Ngọc Đ cung cấp thể hiện ông Lu Wen Ch và bà Lê Thị Ngọc Đ tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn và chung sống một thời gian thì ông Lu Wen Ch về Đài Loan và thường qua lại Việt Nam. Trong quá trình chung sống hai người có 01 con chung là cháu Lu Nhuận Ph, sinh ngày 23/01/2014 hiện đang sống cùng bà. Khoảng 2 năm trở lại đây ông Lu Wen Ch và bà phát sinh mâu thuẫn và ông Lu Wen Ch cũng không

chu cấp cho mẹ con bà. Từ đó đến nay ông Lu Wen Ch không trở về Việt Nam và hai người không còn liên lạc với nhau.

[3.2] Đối với ông Lu Wen Ch thì Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp. Tại công văn số 982/ BTP-PLQT ngày 24/4/2020 của Bộ Tư pháp nêu rõ: đã thực hiện ủy thác tư pháp được cho đương sự vào ngày 25/02/2020 bằng phương thức: Gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an. Nhưng đến nay ông Lu Wen Ch không trả lời bằng văn bản theo yêu cầu của Tòa án, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Ngọc Đ và ông Lu Wen Ch cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên nên yêu cầu ly hôn của bà Ngọc Đ với ông Lu Wen Ch là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngọc Đ trình bày là bà và ông Lu Wen Ch không có tài sản và cũng không có nợ chung, nên bà không yêu cầu giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của ông Lu Wen Ch về các vấn đề này, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về con chung: Giao cháu Lu Nhuận Ph (nam), sinh ngày 23/01/2014 cho bà Lê Thị Ngọc Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 227 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 121; khoản 2 Điều 123 và khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc Đ được ly hôn với ông Lu Wen Ch.

- Về con chung: Giao cháu Lu Nhuận Ph (nam), sinh ngày 23/01/2014 cho bà Lê Thị Ngọc Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Ngọc Đ khai bà và ông Lu Wen Ch không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp giữa các đương sự về vấn đề này và có đơn kiện sẽ được xem xét thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

2/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Ngọc Đ đã nộp theo biên lai thu số 001798 ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà Ngọc Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về lệ phí tố tụng: Bà Lê Thị Ngọc Đ phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000đồng, chuyển 200.000đồng tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp bà Ngọc Đ đã nộp theo biên lai thu số 0004018 ngày 31/12/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ đã thu sang thành lệ phí, bà Ngọc Đ không phải nộp thêm tiền lệ phí.

3/ Án xử công khai sơ thẩm bà Lê Thị Ngọc Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Ông Lu Wen Ch có quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPCT
- UBND H. Thới Lai, TPCT
- Cục THA TPCT;
- Lưu hs

Đã ký

Huỳnh Thị Bích Vân